TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 24/11/2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Ông Hà Văn Nâu

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐ-PT ngày 02/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐ-PT ngày 11/11/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, Bắc Giang.

- Bị đơn:Anh Ngô Văn D, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Ngô Văn D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/12/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Ngô Văn D cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị về nhà anh D làm dâu ngay và sống chung sống cùng gia đình anh D. Tình cảm vợ chồng bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh D, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng chưa có con chung, hiện nay chị không mang thai, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, tuy nhiên đến tháng 3 năm 2020 không hiểu vì lý do gì, giữa anh và chị H xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị H đã chuyển ra khỏi nhà anh từ khoảng tháng 02 hoặc tháng 3/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, chị H không còn quan tâm đến anh, anh cũng đi làm không về nhà nên cũng chưa gặp được chị H, anh điện thoại cho chị H để thảo luận về việc tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị H chặn cuộc gọi của anh nên hai bên không nói chuyện được với nhau. Sau đó anh cũng đã đến gia đình chị H mục đích để gặp gỡ gia đình chị H cũng như chị H nói chuyện để chị H thay đổi ý định và về đoàn tụ với anh, tuy nhiên anh không gặp được chị H do chị H không muốn gặp anh. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến nay anh không còn phương pháp nào để chị H tự nguyện về đoàn tụ cùng với anh. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, vì vậy chị H làm đơn xin ly hôn anh không đồng ý, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn anh vẫn không đồng ý.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng chưa có con chung, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2020/HNGĐ-ST ngày 22/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn D.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003782 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm trên, ngày 26/8/2020 bị đơn anh Ngô Văn D kháng cáo bản án, nội dung kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giải quyết cho chị H được ly hôn anh. Với lý do chị H nói vợ chồng cãi vã và không hợp nhau là không đúng, anh đồng ý ly hôn với yêu cầu chị H phải bồi thường cho anh 19 triệu đồng chi phí đi chơi Sa Pa, bồi thường dây chuyền; bồi thường danh dự phẩm chất; bồi thường nhẫn cưới; chi trả toàn bộ chi phí ăn uống, ngủ nghỉ tại gia đình anh. Chị H lấy anh chỉ vì mục đích vụ lợi chứ không có tình cảm.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Ngô văn D không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Ngô Văn D trình bầy: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử cho chị H lý hôn anh với lý do: anh và chị H cưới do tự nguyện, vợ chồng không mâu thuẫn gì, khi anh ốm chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở chứ không phải hai vợ chồng cãi nhau như chị H nói là không chính xác. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị H. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H bồi thường cho anh tiền mua đồ đạc khi cưới, nhẫn cưới, tiền chị H ăn, ở nhà anh. Cụ thể là bao nhiêu anh không nắm được. Anh đề nghị Tòa xem xét kháng cáo của anh.

Chị Nguyễn Thị H trình bầy: Chị không đồng ý kháng cáo của anh D, chị không còn tình cảm với anh D, những lý do anh D đưa ra là không đúng. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở anh D không xuống, chị về nhà bố mẹ đẻ nhưng chị vẫn quay lại hỏi thăm bố mẹ anh D, anh D còn đánh và đuổi chị. Chị kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại điều 70,71,72 và điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn D. Giữ nguyên

bản án sơ thẩm. Với lý do tại cấp phúc thẩm anh D không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh kháng cáo là có căn cứ. Chị H không đồng ý đoàn tụ và cương quyết ly hôn vì xác định tình cảm không còn.

Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh D nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Chị H khởi kiện xin ly anh D. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H dược ky hôn anh D. Anh D kháng cáo bản án không đồng ý ly hôn vì xác định vẫn còn tình cảm với chị H.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh D Hội đồng xét xử thấy: Anh D tại phiên tòa phúc thẩm trình bầy anh vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được lý do thuyết phục chị H về đoàn tụ. Chị H xác định không còn tình cảm với anh D, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể quay lại chung sống cùng anh D. Do vậy, chị kiên quyết đề nghị được ly hôn anh D. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, than gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Hội đồng xét xử thấy từ khi anh D và chị H kết hôn ngày 17/12/2018 vợ chồng chung sống bình thường một thời gian, sau phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên từ tháng 11/2019 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không chung sống cùng anh D từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy cuộc sống hôn nhân không có sự chia sẻ, chăm sóc, quan tâm nhau, không chung sống cùng nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm xử cho chị H được ly hôn anh D là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn D.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của anh Ngô Văn D không được chấp nhận nên anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án; Xử:

-Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn D.

-Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô văn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003940 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận anh Ngô Văn D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-TAND huyện H;
-VKSND huyện H;
-CCTHADS huyện H;
-UBND xã H, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền